



## BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 268.12/QĐ-BVĐKSU ngày 31 tháng 12 Năm 2023 của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Uyên Sơn)

TT	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ	ĐƠN VỊ	MỨC GIÁ KÊ KHAI HIỆN HÀNH	GHI CHÚ
<b>I. KHÁM LÂM SÀNG</b>				
1	Khám bệnh chuyên gia (Tiền Sĩ, Giáo Sư Và Bác Sĩ CKII)	Lần	200,000	
2	Khám bệnh chuyên gia (Thạc Sĩ Và Bác Sĩ CKI)	Lần	100,000	
3	Khám bệnh thông thường	Lần	40,000	
<b>II. GIƯỜNG BỆNH</b>				
1	Giường nội khoa	Lần	200,000	
2	Giường YHCT	Lần	150,000	
3	Giường cấp cứu	Lần	300,000	
4	Giường ngoại khoa loại II	Lần	250,000	
5	Giường ngoại khoa loại III	Lần	225,000	
<b>III. CẬN LÂM SÀNG</b>				
1	Chụp CT scanner không tiêm thuốc cản quang	Lần	800,000	
2	Chụp CT scanner có tiêm thuốc cản quang	Lần	1,100,000	
3	Chụp xquang số hóa thường quy	Lần	150,000	
4	Nội soi tai mũi họng	Lần	180,000	
5	Nội soi thực quản - dạ dày tá tràng ống mềm không sinh thiết	Lần	250,000	
6	Nội soi thực quản - dạ dày tá tràng ống mềm tràng có sinh thiết	Lần	750,000	
7	Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết	Lần	430,000	
8	Nội soi đại trực tràng ống mềm có sinh thiết	Lần	930,000	



9	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	Lần	210,000	
10	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	Lần	750,000	
11	Siêu âm	Lần	150,000	
12	Siêu âm 5D	Lần	200,000	
13	SIÊU ÂM Doppler màu	Lần	280,000	
14	Soi cổ tử cung	Lần	100,000	
15	Điện tim	Lần	80,000	
16	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	Lần	100,000	
17	Định nhóm máu hệ ABO ( kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	61,000	
18	Định nhóm máu hệ ABO ( kỹ thuật phiến đá)	Lần	61,000	
19	Định nhóm máu abo ( kỹ thuật trên giấy)	Lần	61,000	
20	Định nhóm máu hệ RH (D) ( kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	51,000	
21	Định nhóm máu hệ RH ( D) ( kỹ thuật phiến đá)	Lần	51,000	
22	Định nhóm máu abo bằng giấy định nhóm máu để truyền phế phẩm tiêu cầu hoặc huyết tương	Lần	71,000	
23	Định nhóm máu hệ abo bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	Lần	71,000	
24	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	Lần	50,000	
25	Thời gian máu chảy bằng phương pháp duke	Lần	51,000	
26	Định lượng firinogen ( phương pháp trực tiếp)	Lần	111,000	
27	ĐỊNH LƯỢNG Prothrombin PT (Thời gian Prothrombin: Prothrombin Time)	Lần	71,000	
28	Định lượng APTT	Lần	71,000	
29	Điện giải đồ ( Na, K, Cl)	Lần	80,000	
30	Calci	Lần	40,000	
31	Định lượng acid uric [Máu]	Lần	40,000	
32	Định lượng ure [Máu]	Lần	40,000	

33	Định lượng glucose [Máu]	Lần	40,000	
34	Định lượng creatinin [Máu]	Lần	40,000	
35	Định lượng protein toàn phần [Máu]	Lần	40,000	
36	Định lượng albumin [Máu]	Lần	40,000	
37	Định lượng bilirubin toàn phần [Máu]	Lần	40,000	
38	Định lượng bilirubin trực tiếp [Máu]	Lần	40,000	
39	Định lượng cholesterol toàn phần [Máu]	Lần	40,000	
40	Định lượng triglycerid [Máu]	Lần	40,000	
41	Định lượng HbA1C	Lần	130,000	
42	Amylase máu	Lần	40,000	
43	Đo hoạt độ AST ( GOT ) [Máu]	Lần	40,000	
44	Đo hoạt độ ALT ( GPT ) [Máu]	Lần	40,000	
45	Đo hoạt độ GGT [Máu]	Lần	40,000	
46	ĐỊNH LƯỢNG HDL - C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	40,000	
47	ĐỊNH LƯỢNG LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	40,000	
48	Định lượng sắt huyết thanh	Lần	59,000	
49	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]	Lần	40,000	
50	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]	Lần	119,000	
51	RF test	Lần	60,000	
52	ASLO test	Lần	60,000	
53	CRP	Lần	70,000	
54	Tổng phân tích nước tiểu bằng máy tự động	Lần	50,000	
55	Test ma túy tổng hợp	Lần	230,000	
56	MORPHIN TEST	Lần	60,000	
57	HcG	Lần	60,000	

58	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	Lần	50,000	
59	Test cúm A/B	Lần	250,000	
60	TEST DENGUE- TEST NHANH	Lần	150,000	
61	HBeAg - TEST NHANH	Lần	70,000	
62	SOI TƯƠI TÌM NẤM	Lần	80,000	
63	ANTI HCV (nhanh)	Lần	70,000	
64	ANTI HIV (nhanh)	Lần	70,000	
65	GIANG MAI TEST	Lần	60,000	
66	TB TEST	Lần	60,000	
67	TEST HP	Lần	80,000	
68	HBsAG (nhanh)	Lần	70,000	
69	TEST NẤM (CHLAMIDIA)	Lần	130,000	
70	TEST CÚM 5 TRONG 1	Lần	250,000	
71	TEST ROTA	Lần	100,000	
72	TEST HƠI THỞ HP	Lần	500,000	
73	TROPONIN I	Lần	140,000	
74	BETA HCG	Lần	120,000	
75	AFP	Lần	180,000	
76	CEA	Lần	200,000	
77	Ca 125	Lần	200,000	
78	Ca 15-3	Lần	200,000	
79	Ca 19-9	Lần	200,000	
80	FT4	Lần	110,000	
81	T3	Lần	110,000	
82	TSH	Lần	130,000	

**IV. NỘI - HỒI SỨC CẤP CỨU**

1	Mở khí quản	Lần	1,105,000	
2	Cấp cứu ngừng tuần hoàn ( chưa bao gồm thuốc)	Lần	460,000	
3	Đặt nội khí quản	Lần	563,000	
4	Rút ống nội khí quản	Lần	262,000	
5	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm bằng calerter 2 nòng	Lần	1,350,000	
6	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm theo dõi liên tục	Lần	1,350,000	
7	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm	Lần	650,000	
8	Thông tiểu	Lần	150,000	
9	Rút sone JJ	Lần	550,000	
10	Đặt sone niệu đạo	Lần	990,000	
11	Bơm rửa bàng quang	Lần	250,000	
12	Tiêm truyền đường tĩnh mạch	Lần	30,000	
13	Thụt tháo (thụt béc)	Lần	300,000	
14	Thay sone mở ống thông hồng tràng cho ăn	Lần	250,000	
15	Rửa dạ dày	Lần	200,000	
16	Đặt done dạ dày	Lần	100,000	
17	Lấy dị vật tai ngoài	Lần	150,000	
18	Lấy dị vật mũi	Lần	150,000	
19	Lấy dị vật họng	Lần	150,000	
20	Làm thuốc tai	Lần	50,000	
21	Chích rạch màng nhĩ	Lần	150,000	
22	Bấm nang họng	Lần	300,000	
23	Trích u vòm họng	Lần	700,000	
<b>V. Y HỌC CỔ TRUYỀN - VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG</b>				
1	Tập đi với thanh song song	Lần	30,000	

2	Tập lên xuống cầu thang	Lần	30,000	
3	Tập vận động có kháng trở	Lần	45,000	
4	Kéo nắn, kéo giãn cột sống, các khớp	Lần	51,000	
5	Vỗ rung lồng ngực	Lần	40,000	
6	Tập vận động có trợ giúp	Lần	45,000	
7	Tập vận động thụ động	Lần	45,000	
8	Tập với dụng cụ quay khớp vai	Lần	28,000	
9	Tập với xe đạp tập	Lần	11,000	
10	Thủy châm	Lần	62,000	
11	Điện châm	Lần	63,000	
12	Hào châm	Lần	81,000	
13	Chôn chỉ ( cấy chỉ)	Lần	300,000	
14	Tiêm nội khớp	Lần	300,000	
15	Xoa bóp bấm huyệt (thường)	Lần	60,000	
16	Xoa bóp bấm huyệt (liệt)	Lần	65,000	
17	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Lần	45,000	
18	Điện xung	Lần	40,000	
19	Điều trị bằng sóng siêu âm	Lần	45,000	
20	Điều trị bằng máy kéo giãn	Lần	46,000	
21	Sắc thuốc thang	Lần	13,000	
<b>VI. NGOẠI KHOA</b>				
1	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Lần	500,000	
2	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm (gây tê)	Lần	3,050,000	
3	Cắt các u lành tuyến giáp	Lần	2,375,000	
4	Cắt các u lành vùng cổ	Lần	2,660,000	
5	Cắt các u nang giáp móng	Lần		

			2,760,000	
6	Cắt chỉ	Lần	50,000	
7	Cắt hẹp bao quy đầu	Lần	1,500,000	
8	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	Lần	220,000	
9	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	Lần	3,123,000	
10	Cắt phymosis	Lần	310,000	
11	Cắt ruột thừa đơn thuần	Lần	3,300,000	
12	Cắt thận đơn thuần	Lần	5,250,000	
13	Cắt túi mật	Lần	5,320,000	
14	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	Lần	2,100,000	
15	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	Lần	1,444,000	
16	Chích rạch áp xe nhỏ	Lần	180,000	
17	Chích rạch nhọt, apxe nhỏ dẫn lưu	Lần	350,000	
18	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	Lần	150,000	
19	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân (chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiện kết hợp)	Lần	4,500,000	
20	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng	Lần	4,463,000	
21	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	Lần	300,000	
22	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	Lần	600,000	
23	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Lần	600,000	
24	Khâu vết thương thành bụng	Lần	2,388,000	
25	Lấy sỏi bàng quang	Lần	4,835,000	
26	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Lần	4,920,000	
27	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi (chưa bao gồm phí dây tán sỏi, kim gấp và thuốc)	Lần	1,860,000	
28	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Lần	600,000	
29	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần	600,000	

30	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Lần	600,000	
31	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần	600,000	
32	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Lần	600,000	
33	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Lần	600,000	
34	Nắn, bó bột gãy dupuytren	Lần	600,000	
35	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Lần	600,000	
36	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	Lần	600,000	
37	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Lần	560,000	
38	Nắn, bó bột gãy xương bàn ngón tay	Lần	560,000	
39	Nắn, bó bột gãy xương chày	Lần	560,000	
40	Nắn, bó bột gãy xương gót	Lần	560,000	
41	Nắn, bó bột trật khớp gối	Lần	560,000	
42	Nắn, bó bột trật khớp háng	Lần	790,000	
43	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Lần	600,000	
44	Nắn, bó bột trật khớp vai	Lần	600,000	
45	Nối gân duỗi	Lần	3,725,000	
46	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)(Chưa bao gồm phí dây tán, kim gấp và thuốc)	Lần	2,200,000	
47	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Lần	3,425,000	
48	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	Lần	3,485,000	
49	Phẫu thuật cắt 1 túi trĩ	Lần	3,250,000	
50	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép, chưa bao gồm phương tiện KHX)	Lần	4,800,000	
51	Phẫu thuật điều trị can lệch, có KHX (chưa bao gồm phương tiện KHX)	Lần	4,500,000	
52	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Lần	4,073,000	
53	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay KHX với kirschner hoặc nẹp vít (chưa bao gồm phương tiện KHX)	Lần	4,500,000	

54	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân (chưa bao gồm phương tiện KHX)	Lần	4,500,000	
55	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè (chưa bao gồm phương tiện KHX)	Lần	4,805,000	
56	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương (chưa bao gồm phương tiện KHX)	Lần	4,500,000	
57	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong (chưa bao gồm phương tiện KHX)	Lần	4,500,000	
58	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn (chưa bao gồm phương tiện KHX)	Lần	4,500,000	
59	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	Lần	3,790,000	
60	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	Lần	4,042,000	
61	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	Lần	4,042,000	
62	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Lần	7,264,000	
63	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	Lần	3,214,000	
64	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	Lần	3,366,000	
65	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	Lần	3,630,000	
66	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	Lần	4,090,000	
67	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	Lần	4,226,000	
68	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	Lần	3,856,000	
69	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	Lần	3,854,000	
70	Phẫu thuật u máu	Lần	3,768,000	
71	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm <sup>2</sup>	Lần	3,645,000	
72	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	Lần	3,471,000	
73	Phẫu thuật vết thương khớp	Lần	4,000,000	
74	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	Lần	5,040,000	
75	Phẫu thuật viêm xương	Lần	4,042,000	
76	Rút đinh các loại	Lần	2,430,000	
77	Tháo bỏ các ngón chân	Lần	3,612,000	
78	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Lần	3,612,000	

79	Tháo đốt bàn	Lần	3,612,000	
80	Thay ống dẫn lưu thận, bàng quang	Lần	350,000	
81	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser (Chưa bao gồm phí dây và kim)	Lần	5,607,000	
82	Cắt móng quặp	Lần	250,000	
83	Lấy dị vật mắt	Lần	250,000	
84	Chích lẹo mắt	Lần	250,000	
85	Sơ cứu bỏng thông thường	Lần	150,000	
86	Cấp cứu + chống sốc vết thương bỏng (chưa bao gồm thuốc điều trị tại chỗ vết bỏng và thuốc chống sốc)	Lần	515,000	
87	Chích áp xe phần mềm lớn	Lần	450,000	
88	PHẪU THUẬT CHỈNH HÌNH VÁCH NGĂN	Lần	3,311,000	
89	PHẪU THUẬT CẮT AMIDAN GÂY MÊ	Lần	1,689,000	
90	PHẪU THUẬT NẠO VA NỘI SOI	Lần	2,898,000	
<b>VII. SẢN PHỤ KHOA</b>				
1	Mổ nhân xơ vú	Lần	1,136,000	
2	Nạo hút thai trứng	Lần	1,175,000	
3	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ	Lần	1,180,000	
4	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Lần	346,000	
5	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	Lần	3,073,000	
6	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22	Lần	2,330,000	
7	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	Lần	2,940,000	
8	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	Lần	3,030,000	
9	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	Lần	3,000,000	
10	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	Lần	3,532,000	
11	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung có choáng	Lần	5,587,000	

12	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	Lần	5,312,000	
13	Cắt nang thừng tinh một bên	Lần	2,374,000	
14	Bóc nang tuyến bartholin	Lần	2,210,000	
15	Cắt chỉ khâu vòng tử cung	Lần	140,000	
16	Cắt u vú lành tính	Lần	3,435,000	
17	Chích áp xe tuyến bartholin	Lần	1,000,000	
18	Chích áp xe vú	Lần	300,000	
19	Đỡ đẻ ngôi ngược	Lần	2,000,000	
20	Đỡ đẻ ngôi chỏm	Lần	1,200,000	
21	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	Lần	500,000	
22	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Lần	1,877,000	
23	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Lần	2,278,000	
24	Khâu vòng cổ tử cung	Lần	660,000	
25	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Lần	3,380,000	
26	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Lần	4,124,000	
27	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Lần	5,038,000	
28	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Lần	5,620,000	
29	Phẫu thuật mở bụng vắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Lần	3,680,000	
30	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử lý bệnh lý phụ khoa	Lần	3,245,000	
31	Phẫu thuật vỡ nang vật do gãy dương vật	Lần	2,041,000	
32	Xoắn hoặc cắt bỏ polype âm hộ, âm đạo, cổ tử cung	Lần	511,000	
33	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ, âm đạo, tầng sinh môn	Lần	6,000,000	
34	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, laser áp lạnh...	Lần	1,900,000	
35	Điều trị viêm nhiễm phụ khoa	Lần	2,000,000	
36	Chăm sóc sau điều trị đốt lộ tuyến cổ tử cung	Lần	1,500,000	

37	Điều trị viêm âm đạo	Lần	2,000,000	
38	Chọc đốt nang thành âm đạo	Lần	1,800,000	
39	Đặt dụng cụ tránh thai	Lần	500,000	
40	Tháo dụng cụ tránh thai ( chưa bao gồm thuốc)	Lần	200,000	
41	Điều trị tiêm lậu cầu	Lần	1,800,000	
42	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	Lần	2,138,000	

Mức giá kê khai tại Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Uyên Sơn - Bệnh viện đa khoa Sơn Uyên: